

Bản án số: 29/2026/DS-ST

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh .

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Loan.

2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Ngọc Nương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 490/2025/TLST-DS ngày 27/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXX-ST ngày 24/02/2026, quyết định hoãn số 39/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; số CCCD: 024180005601; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn H, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) *Vắng mặt.*

* ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Thế N, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố T, phường C, tỉnh Bắc Ninh) *Vắng mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố T, phường C, tỉnh Bắc Ninh) *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị T trình bày: Do chị và vợ chồng anh Nguyễn Thế N, chị Nguyễn Thị H có quan hệ quen biết nên ngày 28/10/2021 chị có cho vợ chồng anh Nguyễn Thế N vay số tiền 691.000.000 đồng. Khi vay anh Nguyễn Thế N có tự tay viết giấy biên nhận vay tiền cho chị, cụ thể là Biên nhận vay tiền ngày 28 tháng 10 năm 2021. Theo giấy vay tiền anh N có vay của chị số tiền 691.000.000 đồng, mục đích vay là để đảo sổ ngân hàng, thời hạn vay là 30 ngày, vay không thỏa thuận lãi suất. Sau khi anh N viết giấy biên nhận tiền trên xong thì chị đã giao cho vợ chồng anh N đủ số tiền 691.000.000 đồng, vợ chồng anh N đã kiểm đếm đủ số tiền này và anh N đã ký và ghi rõ họ tên của anh N tại phần “Người vay” của giấy vay tiền. Chị khẳng định trên giấy vay tiền là toàn bộ chữ viết và chữ ký của anh N. Khi vay tiền, có cả hai vợ chồng anh N, chị H ở đó nhưng chỉ có mình anh Nhật ký T1 vào giấy biên nhận vay tiền thôi.*

Từ khi đến thời hạn trả tiền, chị đã đòi vợ chồng anh N rất nhiều lần tiền nhưng anh N đều khất nợ và chưa trả cho chị được bất cứ đồng nào. Số tiền chị cho anh N vay là tiền cá nhân của chị, không liên quan đến ai khác vì chị đã ly hôn. Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, chị có yêu cầu Tòa án buộc cả hai vợ chồng anh Nguyễn Thế N và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị toàn bộ số tiền nợ trên vì lúc đó vợ chồng anh chị nói lý do vay là để đảo sổ ngân hàng nên chị xác định đó là khoản nợ chung của cả hai vợ chồng anh N, chị H. Nhưng tại phiên họp công khai chứng cứ chị thay đổi, chị chỉ yêu cầu một mình anh Nguyễn Thế N phải trả chị số tiền nợ gốc đã vay ngày 28/10/2021 là 691.000.000 đồng, không yêu cầu chị H phải trả số tiền trên cùng anh N nữa. Chị không yêu cầu anh T phải trả chị tiền lãi suất. Ngoài ra, chị T không có yêu cầu khởi kiện nào khác.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh N và chị H nhiều lần nhưng anh N và chị H không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương nơi anh N cư trú cung cấp: Anh Nguyễn Thế N là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú trên địa bàn tổ dân phố D, phường C. Tuy nhiên, anh N đi làm công ty thời gian không cố định, thường xuyên vắng nhà, thi thoảng có thấy anh N về

nhà rồi lại đi ngay. Anh N đi làm ăn ở đâu, cụ thể làm công việc gì thì địa phương không nắm được.

Tại biên bản làm việc với bà Đặng Thị M là mẹ đẻ của anh N, hiện bà M đang sống cùng nhà với anh N tại Tổ dân phố D, phường C, bà M cho biết như sau: Bà là mẹ đẻ của anh N. Việc anh N thường xuyên vắng nhà, lúc anh N nói với bà là đi làm công ty, lúc lại nói là đi phụ hồ xách vữa, cụ thể anh N làm ở đâu, công việc gì thì bà không nắm được. Về việc chị Nguyễn Thị T khởi kiện đòi nợ anh Nguyễn Thế N và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng con trai, con dâu bà thì bà không nắm được. Bà chỉ biết lúc trước anh N đã từng vay tiền của chị T, lần đó bà đã lên trả cho chị T một lần rồi nhưng nay chị T vẫn cố tình cho vay tiếp thì đó là việc của chị T. Tòa án cho bà tiếp cận giấy vay tiền ngày 28/10/2021 thì bà không trình bày gì. Con dâu bà là chị Nguyễn Thị H đang làm giáo viên tại trường Tiểu học Đ, chị H ở trọ bên ngoài, cụ thể ở đâu thì bà không biết. Về yêu cầu khởi kiện của chị T thì bà không liên quan, bà không có ý kiến gì.

Ngày 12/3/2026, Tòa án mở phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thế N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, đại diện Viện kiểm sát đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thế N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của chị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, buộc anh Nguyễn Thế N phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc đã vay theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 28/10/2021 là 691.000.000.

* Về án phí: Anh Nguyễn Thế N phải chịu 31.641.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Thế N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn chị T và bị đơn anh N là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Bị đơn anh N có địa chỉ cư trú tại phường C, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 28/10/2021 chị T có cho anh Nguyễn Thế N vay số tiền 691.000.000 đồng. Khi vay anh N có tự tay viết giấy biên nhận vay tiền cho chị T. Từ khi vay, anh N chưa trả bất cứ đồng tiền gốc nào. Ngày 25/06/2025 chị T nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, buộc anh Nguyễn Thế N phải trả số tiền nợ gốc 691.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 28/10/2021 thì thấy: Theo giấy biên nhận vay tiền ngày 28/10/2021 thể hiện anh N có vay của chị T số tiền 691.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay. Căn cứ Điều 463 và

khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự, xác định hợp đồng vay tài sản giữa chị T và anh N là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi suất.

Căn cứ lời khai của chị T, bản gốc giấy vay tiền ngày 28/10/2021 do chị T giao nộp và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh N đã viết giấy vay tiền và nhận của chị T 691.000.000 đồng. Trong quá trình làm việc, anh N không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến, cũng như không cung cấp tài liệu, giấy tờ gì liên quan đến việc trả nợ theo Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ của Tòa án; anh N cũng không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ là giấy vay tiền đã được Tòa án thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ và thông báo về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Cho đến nay, anh N không có ý kiến phản hồi hay phủ nhận về giấy vay tiền cũng như yêu cầu khởi kiện của chị T. Do vậy, nay chị T khởi kiện buộc anh N phải trả cho chị T toàn bộ số tiền gốc là 691.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 28/10/2021 là có căn cứ, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện này chị T là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ban đầu chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc cả hai vợ chồng anh N và chị H cùng phải trả chị số tiền gốc là 691.000.000 đồng. Tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị T đã thay đổi chị không yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cùng anh N trả chị số tiền nợ gốc 691.000.000 đồng nữa, chị chỉ yêu cầu một mình anh N phải trả chị số tiền này, theo giấy biên nhận vay tiền cũng chỉ có anh Nhật K nhận vay tiền. Do vậy, Hội đồng không xem xét về việc buộc chị H phải liên đới trả chị T số tiền 691.000.000 đồng vay ngày 28/10/2021 cùng anh N nữa.

[4.2]. Về lãi suất chậm thi hành án: Do các bên không tự thỏa thuận được về lãi suất chậm thi hành án nên áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tuyên phần lãi suất chậm thi hành án.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu về số tiền nợ gốc 691.000.000 đồng của chị T được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T:

1. Buộc anh Nguyễn Thế N phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 28/10/2021 là 691.000.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi một triệu đồng*)

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Thế N phải chịu 31.641.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả chị Nguyễn Thị T 1.850.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002050 ngày 20/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Bắc Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Anh